

Quốc Tổ Bách Việt

Theo truyền thuyết Tiên Rồng của người Việt thì quốc tổ của dân ta là các vua Hùng đã dựng ra nước Văn Lang, nhưng trước đó đã có nước Xích Quỷ của Bách Việt, được xem là quốc gia đầu tiên của tộc Việt thời Kinh Dương Vương, họ Hồng Bàng,

Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt Sử ký Ngoại kỷ Toàn thư ghi lại: "Nhâm Tuất, năm thứ 17. Xưa cháu ba đời của Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, sau Đế Minh nhân đi tuần phương Nam, đến Ngũ Lĩnh lấy con gái Vụ Tiên, sinh ra vua Kinh Dương Vương. Vua là bậc thánh trí thông minh, Đế Minh rất yêu quý, muốn cho nối ngôi. Vua cố nhường cho anh, không dám vâng mệnh. Đế Minh mới lập Đế Nghi là con nối ngôi, cai quản phương Bắc, phong cho vua làm Kinh Dương Vương, cai quản phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ".

Vua lấy con gái Động Đình Quân tên là Thần Long sinh ra Lạc Long Quân (Xét: Đường kỷ chép: thời Kinh Dương có người đàn bà chăn dê, tự xưng là con gái út của Động Đình Quân, lấy con thứ của Kinh Xuyên, bị bỏ, viết thư nhờ Liễu Nghị tâu với Động Đình Quân. Thế thì Kinh Xuyên và Động Đình đời đời làm thông gia với nhau đã từ lâu rồi).

Sách Thiên Nam ngữ lục (thế kỷ XVII) kể về việc kết hôn của Kinh Dương Vương: Kinh Dương ngày ấy đi chơi

Thuyền trăng buồm gió tếch vời Nam minh. (bể rộng ở phía Nam).

Ở Nam minh ấy Kinh Dương Vương gặp con gái Thần Long:

Nàng rằng: thiếp con Động Đình

Thần Long là hiệu, Nam minh là nhà.

Như thế, Kinh Dương Vương đã gặp con gái Thần Long ở Nam minh có thể là vịnh Bắc Bộ ngày nay.

Truyện Liễu Nghị của Vũ Ninh để viết thêm chi tiết: Sử gia Ngô Sĩ Liên khi viết về Kinh Dương Vương, vị vua mở đầu quốc thống, có nhắc đến truyện Liễu Nghị và mối liên hệ huyết tộc họ ngoại của giống nòi Bách Việt và Động Đình Hồ. Qua đoạn viết, ông chỉ nhằm nói lên rằng: từ thời Kinh Dương vương, thời ngoại kỷ xa xưa (năm Nhâm Tuất, tức năm 2879 TCN) đến đời nhà Đường bên Tàu, người đất Kinh Xuyên thường giữ mối thông gia với Động Đình.

Sử thần Ngô Thời Sĩ bài bác cổ sử là hoang đường nên gạt bỏ, và chỉ trích sử gia Ngô Sĩ Liên đã đưa vào cổ sử ruyện truyền kỳ Liễu Nghị, nhưng ông chưa đọc truyện này của Lý Triều Uy.

Các sử gia trong Quốc Sử Quán triều vua Tự Đức do Phan Thanh Giản cầm đầu đã dâng sớ xin vua bỏ phần ngoại kỷ của Đại Việt Sử ký, lại trách Ngô Sĩ Liên viết phần này "không có gì làm căn cứ đáng tin, lại phụ họa theo truyện Liễu Nghị đời Đường của nhà làm tiểu thuyết để làm chứng cứ."

Người Việt hiện nay chỉ là một nhánh của tộc Bách Việt cổ xưa từng cư trú tại Trung Nguyên. Vùng đất phía Bắc của người Bách Việt từng lên đến tận phía Nam sông Dương Tử tới khu vực Hồ Động Đình (tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc ngày nay), do đó nước Việt cổ rất rộng lớn. Việc này không chỉ được ghi nhận lại trong các truyền thuyết mà còn nằm trong những chứng tích của lịch sử.

Theo Lĩnh Nam Chích Quái thì Đế Minh là cháu 3 đời của Thần Nông, là ông nội của Lạc Long Quân. Đế Minh sinh ra con cả là Đế Nghi. Khi Đế Minh đi tuần thú phương Nam thì gặp và cưới con gái bà Vụ Tiên sinh ra Lộc Tục. Ngay từ nhỏ Lộc Tục đã tỏ ra rất thông minh và đoan chính.

Đế Minh ngạc nhiên trước tư chất thông minh và tài trí của Lộc Tục nên muốn chọn làm người kế nối, nhưng Lộc Tục lại muốn nhường ngôi cho anh mình là Đế Nghi.

Cuối cùng Đế Minh quyết định truyền ngôi cho con trưởng Đế Nghi làm vua phương Bắc và cho Lộc Tục làm vua phương Nam, lấy sông Dương Tử làm biên giới. Vua tế cáo trời đất trên Thiên đài rằng: “Trước đất trời nguyện rằng: Nam, Bắc cương thổ có khác. Nam không xâm Bắc. Bắc không chiếm Nam. Kẻ nào phạm lời nguyện thì chết dưới đao thương”.

Từ đó Đế Nghi cai trị phía Bắc sông Dương Tử, phía Nam sông Dương Tử do Lộc Tục làm Vua hiệu là Kinh Dương Vương, năm 2879 TCN và đặt quốc hiệu là Xích Quỷ. Biên giới phía Bắc tới Động Đình Hồ, phía Nam giáp nước Hồ Tôn, phía Tây giáp Ba Thục, phía Đông giáp với biển Nam Hải.

Sách Hùng vương ngọc phả (Bản Hồng Đức nguyên niên) chép: “Cháu ba đời của vua Viêm Đế là Đế Minh sinh Đế Nghi rồi đi tuần du phương nam, đến núi Ngũ Lĩnh (giới hạn ở động Bạch Hồ tỉnh Vân Nam-xưa gọi là động Xích Quỷ, nguyên thuộc nước ta gọi là quận Giao Chỉ. Động Xích Quỷ sau gọi là nước Xích Quỷ, nay đổi là nước An Nam) thì gặp nàng Vụ Tiên thần nữ, sinh ra Kinh Dương vương. Vua thông minh thánh trí, vượt trội hơn tầm của Đế Nghi. Đế Minh muốn truyền ngôi báu để làm chính thống cho muôn nước. Nhưng Kinh Dương vương cố nhường cho anh. Thế là Đế Minh lập Đế Nghi nối ngôi, cai trị phương Bắc, phong cho Kinh Dương vương quay mặt về phương nam mà cai trị thiên hạ [tức là làm vua phương Nam], gọi tên là nước Xích Quỷ

Kinh Dương vương kính tuân chỉ dụ của vua cha, đem quân lính theo núi Nam Miên mà đi về phía nam. Trên đường ngắm xem phong thủy, chọn nơi hình thế thẳng địa để đóng đô ấp [tức quốc đô]. Qua đất Hoan Châu (nay đổi là xứ Nghệ An. Nơi đó là các xã Nội Thiên Lộc, Tả Thiên Lộc, Tĩnh Thạch thuộc huyện Thiên Lộc phủ Đức Quang) vua chọn được một vùng phong cảnh tươi đẹp, [núi non] muôn nham lâu đài, gọi là núi Hùng Bảo Thứu Lĩnh, tất cả có 199 ngọn. (Xưa gọi là Cựu Đô, nay gọi là Ngàn Hống). Vùng này giáp biển ở cửa Hội Thốn, đường núi quanh co, đường sông uốn khúc, địa thế rộng cuồn hồ ngôi, bốn hướng cùng trông, bèn xây dựng đô thành để định nơi cho bốn phương triều cống.”

Theo truyền thuyết xưa thì Kinh Dương Vương là Tản Viên Sơn Thánh. Các di tích hành cung của Tản Viên Sơn Thánh còn truyền lại cho tới ngày nay cho thấy, kinh đô Ngũ Lĩnh thời Kinh Dương Vương là vùng đất Sơn Tây - Ba Vì. Các hành cung này được mô tả trong cuốn Tản Lĩnh ngọc ký (Ngọc phả núi Tản). Truyện núi Tản Viên chép: "Tương truyền rằng đại vương Sơn Tinh họ Nguyễn, cùng vui ở với loài thủy tộc ở đất Gia Ninh, huyện Phong Châu". Đây là chuyện Kinh Dương Vương ở Phong Châu (Gia Ninh) lấy Thần Long Động Đình (loài thủy tộc).

Trong sách Nhà nước Xích Quỷ từ huyền thoại đến sự thực, Hà Văn Thùy đã đưa ra khẳng định táo bạo: Nhà nước Xích Quỷ là một thực thể quốc gia sớm nhất ở phương Đông, tồn tại từ khoảng năm 5300 tới 4300 TCN mà chủ nhân là người Lạc Việt.

Kinh Dương Vương được xem là tổ của tộc Bách Việt. Vào thời đó, biên giới phía Bắc nước Việt lên đến Động Đình Hồ (phía Nam sông Dương Tử), bao gồm cả các tỉnh của Trung Quốc ngày nay như Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, Quảng Tây, Quảng Đông, ...diện tích của nước Xích Quỷ được ước lượng khoảng 2.900.000 km².

Bác sĩ Trần Đại Sĩ, đã viết trên “Việt Nam đệ ngũ thiên niên kỷ” năm 1994 như sau: “Hiện nay ở tả ngạn sông Tương Giang, trong dãy núi Quế Dương có một ngọn núi cao 179m mang tên là Thiên Đài Sơn, đỉnh tròn, sườn núi thoải thoải, có đường đi lên. Trên đỉnh có một ngôi miếu hoang phế, rêu phong, không người ở. Có một tấm bia cổ khắc chuyện vua Đế Minh phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương và đặt tên nước là Xích Quỷ tại đây.”

Ông cho biết, tại thư viện tỉnh Hồ Nam, ông được đọc một cuốn phổ viết từ thời nhà Đường do Chu Minh Văn biên soạn nói rõ chuyện vua Đế Minh truyền ngôi cho Lộc Tục

làm vua nước Xích Quỷ trên Thiên Đài Sơn và chuyện các quan nhà Đường khi được sai sang cai trị Lĩnh Nam đã chung tiền xây ngôi miếu hoặc xuất tiền tu bổ ngôi miếu này. Mỗi lần như thế, họ tổ chức cúng tế linh đình để cầu xin Miêu vương Đế Minh phù hộ cho họ được bình an cai trị dân Miêu ở chín quận đô hộ.

Ông còn phát biểu trong bài “Thử tìm lại biên giới cổ của Việt Nam” :Núi Ngũ lĩnh trong truyền thuyết về Đế Minh xác thực nằm ở Trường Sa, Hồ Nam. Ngoài ra tại tỉnh này còn có rất nhiều các di tích được nhắc tới của tộc Việt như: hồ Động Đình, núi Tam Sơn, sông Tương, Thiên đài, Tương đài, cánh đồng Tương/Thiên đài mà Đế Minh tế cáo trời là có thật, nằm gần bên bờ Tương Giang. Trên đỉnh này có một ngôi chùa nhỏ, bên trong còn có nhiều chứng tích về Hai Bà Trưng và trận Động Đình và kết luận rằng: Biên giới cổ của nước Việt, với các triều đại Hồng Bàng, Âu Lạc, Lĩnh Nam, phía Bắc quả tới hồ Động Đình, phía Tây giáp Tứ Xuyên.

Tục truyền ngày xưa có giống rồng Á châu sống trong vùng Động Đình Hồ .

Theo sách “Khai Quật Kho Tàng Cổ Sử Hùng Việt” của Nguyễn Xuân Quang thì các tên gọi Miêu, Viêm, Bách Việt có thể là như sau: “Trong số các học giả cho rằng Thần Nông là người Việt, tiêu biểu là GS Kim Định xem Thần Nông là vua của Viêm tộc tức là tộc Việt vì người Trung Hoa thời nhà Chu gọi chúng ta là Viêm Bang và gọi phương Nam (vùng phía nam sông Dương Tử) là Viêm phương. Theo Sử gia tàu Mộng Văn Thông trong Cổ Sử Nhân Văn thì Viêm là Việt và Miêu. GS Kim Định gọi là Vimê.

Theo các nhà khảo cổ học và sử học thì khu vực Động Đình hồ là trung tâm văn hóa nông nghiệp cùng thời với văn hóa Bắc Sơn miền bắc Việt Nam (7.000-1.000 TCN).

Nền văn hóa tiền sử này xuất phát từ một chủng gọi là Miêu tộc còn gọi là Viêm tộc (xứ nóng) về sau gọi là Bách Việt. Miêu tộc xuất phát từ dãy Thiên Sơn, cao nguyên Himalaya cách đây nhiều vạn năm họ theo các dòng sông lớn chảy về hướng Đông và Đông Nam mà xuống định cư ở lục địa Đông và Đông Nam Á châu.

Sau nhiều giai đoạn văn hóa phát triển cho đến cách đây khoảng 9.000 năm dòng Miêu tức Viêm này đã đạt được những tiến bộ đặc biệt mà trung tâm văn hóa là vùng đất lớn chung quanh hồ Động Đình và sông Dương Tử. Nền văn hoá này là một nền văn hóa biểu trưng vì thời này chữ viết rất sơ khai chưa hoàn hảo.

Theo sách Trung Quốc Dân Tộc Sử của sử gia Vương Đông Linh và Cổ Sử Nhân Văn của Mộng Văn Thông thì người cổ đại sau khi bị tiêu diệt trong các đợt băng hà, lũ lụt, những người còn sống sót di cư lên miền cao nguyên sinh sống để tránh lụt khi băng giá tan. Trong thời giữa Trung thạch và sơ kỳ Tân thạch khoảng từ 40.000-25.000 năm trước đây, khí hậu trở nên ấm áp, loài người rời bỏ hang động trong các dãy núi Thiên Sơn ở bắc Tây Tạng và Tân Cương di cư xuống các vùng bình nguyên.

Một nhóm xuống các đồng bằng phía Đông trở thành thủy tổ của giống da vàng. trong đó có: Hoa tộc cũng theo Thiên Sơn Nam lộ như Miêu tộc nhưng còn sống theo du mục ở vùng Tân Cương, Thanh Hải vì thời đó vẫn còn là vùng thuận lợi để sinh sống. Đến khi nơi này biến thành sa mạc (khoảng 5.000 năm trước) thì Hoa tộc mới men theo sông Hoàng Hà tiến vào Bắc Trung Hoa là vùng đất của Viêm tộc.

Viêm tộc theo Thiên Sơn di chuyển về phía Đông, Đông Nam Trung Hoa cho đến tận Trung Việt ngày nay.

Trong Trung Quốc thông sử , Chu Cốc Thành viết: “Viêm tộc (Việt tộc) đã có mặt khắp nước Trung Hoa cổ đại trước khi các dòng tộc khác tràn vào nên có thể xem là chủ nhân đầu tiên. Khi Viêm Việt đã định cư, Hán tộc còn sống du mục tại vùng Tân Cương, Thanh Hải. Về sau họ theo Hoàng Hà tràn vào Hoa Bắc, chiếm đất của Việt tộc”.

Nhiều nhà nghiên cứu đã xác nhận rằng huyền sử nước Xích Quỷ của Kinh Dương Vương có thực trong lịch sử. Thực chất, đó là liên minh của các nước Việt trong chiến

tranh đánh bại giặc Ân (Thương). Trên nền tảng văn hóa đồng thau, Xích Quỷ đã để lại nhiều di vật tiêu biểu đó là những bộ não bịt và trống đồng lớn có vai trò quan trọng trong tín ngưỡng phương Đông.

Theo Hà Văn Thùy thì người Lạc Việt từ Việt Nam đi lên Hoa lục đã xây dựng nền văn minh nông nghiệp rực rỡ mà nổi bật là văn hóa Lương Chử với tổ vật kếp chim và thú, biểu tượng của họ Hồng Bàng... ông đã khẳng định: Nhà nước Lương Chử chính là Xích Quỷ trong truyền thuyết. Dân cư Lương Chử là hai chủng người Việt cổ Indonesian và Melanesian. Đó cũng chính là hai chủng người Việt từ 40.000 năm trước đi lên khai phá Trung Hoa, đã mang công cụ đá mới Hòa Bình lên, rồi sáng tạo đồ gốm đầu tiên và cây lúa đầu tiên ở di chỉ Động Người Tiên phía Nam Dương Tử.

Sau hơn 80 năm khám phá văn hóa Lương Chử, các học giả Trung Hoa buộc phải từ bỏ quan niệm truyền thống cho rằng “đồng bằng miền Trung Hoàng Hà là cội nguồn của dân tộc Trung Hoa” để khẳng định: “Văn hóa Lương Chử là cội nguồn của văn minh Trung Quốc.” Song vẫn chưa làm rõ được vì sao một dân tộc được phát tích ở Nam Hoàng Hà, mà cội nguồn văn minh lại ở Giang Nam?

Theo Hà Văn Thùy thì người ở phía nam sông Hoàng Hà cũng là người Lạc Việt, hậu duệ của những người từ Việt Nam đi lên Hoa lục từ 40.000 năm trước. đã xây dựng nền văn minh nông nghiệp và hơn nữa là văn hóa Lương Chử với tổ vật kếp chim và thú, biểu tượng của họ Hồng Bàng... và ông khẳng định Xích Quỷ là một nước lập ra sớm nhất ở Đông phương của người Lạc Việt, tồn tại từ khoảng 5300 -4300 năm TCN .

Nhà nghiên cứu La Hưởng Lâm đã trích dẫn “Việt tinh Dân tộc Khảo nguyên” của Chung Độc Phạt viết: “Cả miền đất châu Kinh (nước Sở), châu Dương (nước Việt) và châu Lương (nước Quỳ Việt) nghĩa là tất cả lưu vực sông Dương Tử từ Vạn Huyện ở Tứ Xuyên trở xuống đều là giống người Việt ở cả. Sách Hoa Dương Quốc chí chép miền Nam Trung gồm Quý Châu, Vân Nam là đất Di Việt xưa. Vùng đất này gồm hơn 1 chục vương quốc như Điền Bộc, Cú Đinh, Dạ Lang, Diệp Du, Đồng Sư, Việt Tuỷ ...”.

Sự thực lịch sử này đã được các sử gia Trung Quốc hiện đại công nhận là Việt tộc theo sông Dương Tử tiến về phía Đông thành lập 7 tỉnh lưu vực sông Dương Tử gồm Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, Giang Tô, An Huy và Triết Giang. Dần dần Việt tộc tiến lên Hoa Bắc thành lập 6 tỉnh lưu vực Hoàng Hà là Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Tây, Sơn Đông, Thiểm Tây, Cam Túc và phía Nam thành lập các tỉnh lưu vực Việt Giang gồm Vân Nam, Quý Châu, Quảng Tây, Quảng Đông và Phúc Kiến.

Ngày nay, các nhà nghiên cứu như VK Tinh, Wang Kwo Wu và cả nhà văn nổi tiếng Quách Mạt Nhược đều xác định là hầu hết các huyền thoại về các vị Vua cổ xưa nhất không thấy ghi trên giáp cốt đời Thương, mà chỉ ghi vào sách vở về sau này, khoảng từ thế kỷ thứ IV TCN, tức là thời kỳ xuất hiện các quốc gia Bách Việt thời Xuân thu Chiến quốc. Thực tế lịch sử này cho thấy những huyền thoại cổ xưa là của Việt tộc vì nếu là tổ tiên Hán tộc thì đã phải ghi trên giáp cốt đời Thương cũng như trong các sử sách, cốt tự văn hoặc chữ tạc trên đồ dùng. Chính vì vậy mà nhóm Tân học gọi là Nghi cổ phái thành lập năm 1920 do Quách Mạt Nhược chủ xướng đã bác bỏ thời Tam Hoàng, Ngũ Đế là của Trung Quốc.

Huyền thoại về thủy tổ Bàn Cổ mới được nói đến trong quyển Tam Hoàng, kể cả Phục Hi, Nữ Oa cũng không hề được nhắc tới trong các sách cổ xưa như Kinh Thi, Trúc thư kỷ niên và cũng không hề thấy xuất hiện trong đồ đồng hoặc bích từ. Viêm Đế Thần Nông mới được Mạnh Tử thời Xuân thu Chiến quốc nhắc tới còn Hoàng Đế chỉ biết tới vào thế kỷ thứ III TCN khi Tư Mã Thiên lấy Đế Hoàng là Thủ lĩnh của Hữu Hùng Thị (Đại tộc Việt) ở Tân Trịnh Hà Nam nơi có núi Thái Sơn đưa vào bộ Sử Ký để làm thủy tổ của Hán tộc.

Các công trình nghiên cứu lịch sử Trung Hoa Cổ Đại được kiểm chứng bởi kết quả khoa học mới nhất đã chứng minh lịch sử Trung Hoa Thời Cổ Đại là của Đại tộc Việt và Lịch sử của Trung Quốc chỉ bắt đầu từ triều Thương 1776 TCN mà thôi.

Bộ Sử-ký của Tư-mã-Thiên, Ngũ đế bản kỷ chép rằng: ...Thời vua Hoàng Đế, họ Thần-Nông (Bắc) đã suy, chư hầu chém giết lẫn nhau, khiến trăm họ khốn khổ vô cùng. Vua Du-Võng không đủ khả năng chinh phục. Vua Hiên-Viên Hoàng Đế thao luyện can qua, chinh phục những chư hầu hung ác. Vì vậy các nơi theo về rất đông. Trong các chư hầu, thì Suy-Vưu mạnh nhất.

Vua Du-Võng triều Thần-Nông định đem quân xâm lăng chư hầu, nhưng chư hầu chỉ tuân lệnh Hoàng Đế. Vua Hoàng Đế tu sửa đức độ, luyện tập binh mã, vỗ về trăm họ, giúp đỡ bốn phương, luyện tập thú dữ rồi đại chiến với vua Du-Võng ở Bản-tuyền, thành công. Suy-Vưu làm loạn, không tuân để hiệu. Hoàng Đế triệu tập chư hầu, cùng Suy-Vưu đại chiến ở Trác-lộc, bắt sống Suy-Vưu. Chư hầu tôn ngài làm Thiên-tử thay họ Thần-Nông. Trong thiên hạ nơi nào không thuận, vua Hoàng Đế đem quân chinh phạt.

Lãnh thổ của Hoàng Đế: Đông tới biển, vùng núi Hoàn-sơn, Đại-tông; phía Tây tới núi Không-động, Kê-đâu; Nam tới Giang, Hùng, Tương...

Sông Giang đây tức là sông Trường-giang. Hùng đây là Hùng-nhĩ-sơn, Tương là Tương-sơn. Bùi-Nhân đời Tống tập giải Sử-ký nói rằng Tương-sơn thuộc Trường-sa. Kết luận: Từ chính sử, huyền sử đều cho biết lãnh địa Văn-lang tới hồ Động-đình. Khi vua Hoàng Đế dứt triều Thần-Nông Bắc, thì triều Thần-Nông Nam tức họ Hồng-bàng còn kéo dài tới 2439 năm nữa. Lãnh thổ Trung-quốc thời Hoàng Đế cũng chỉ tới sông Trường-giang. Từ Nam bao gồm khu Trường-sa hồ Động đình vẫn thuộc Văn-lang. Khi chính sử ghi chép như vậy, thì việc Quốc-tổ, Quốc-mẫu với hồ Động-đình, núi Tam-sơn, không còn là huyền thoại nữa, mà thành sự thực lịch sử.

Tương truyền Thần Nông phát xuất ở miền Tây Tạng đi vào Trung Nguyên qua ngã Tứ Xuyên tới định cư ở Hồ Bắc bên bờ sông Dương Tử. Việt tộc là cư dân nông nghiệp trồng lúa nước đã cư ngụ rải rác khắp Trung nguyên từ lâu trước khi Hán tộc du mục từ Tây Bắc tràn xuống đánh đuổi nhà Hạ của Việt tộc để thành lập triều Thương đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc.

Nhờ sự phát triển rực rỡ của nền nông nghiệp dưới thời đại Thần Nông Đế Viêm, xã hội Miêu, Viêm mà về sau gọi là Bách Việt đã có những phát triển trên nhiều lãnh vực. Thời gian này tương ứng với giai đoạn giữa của thời kỳ văn hóa Bắc Sơn kể từ 7.000 đến 1.000 năm TCN).

Viêm Đế hay Hỏa Đức Vương là một vị vua cổ đại huyền thoại của Trung Quốc vào thời kỳ tiền triều đại. Học thuật hiện đại đã xác định núi Dương Đầu ngay phía bắc Bảo Kê trong tỉnh Thiểm Tây là quê hương và lãnh thổ của ông.

Một cuộc tranh luận kéo dài đã tồn tại về việc liệu Viêm Đế có phải là nhân vật huyền thoại Thần Nông hay không? Một hội thảo học thuật được tổ chức tại Trung Quốc vào năm 2004 đã đạt được sự đồng thuận chung rằng Viêm Đế và Thần Nông là một người.

Vị vua cuối cùng đã kết thúc triều đại Viêm Đế sau trận Phán Tuyền. Vị trí chính xác của trận chiến này vẫn còn tranh cãi giữa các nhà sử học hiện đại, do nhiều địa điểm sử dụng cùng một tên gọi ở các thời điểm khác nhau trong lịch sử có thể bao gồm huyện Trác Lộc và huyện Hoài Lai ở Trương Gia Khẩu, tỉnh Hà Bắc; quận Diên Khánh ở Bắc Kinh; huyện Phù Câu ở Chu Khẩu, tỉnh Hà Nam, và quận Diêm Hồ ở Vạn Thành, tỉnh Sơn Tây.

Viêm Đế bị Xi Vưu đánh bại rồi bị các bộ tộc Hữu Hùng của Hoàng Đế xâm lăng. Viêm Đế đầu hàng Hoàng Đế, tôn làm cộng chủ và lập ra bộ lạc Viêm Hoàng. Hoàng Đế, đã đánh bại Xi Vưu trong trận Trác Lộc, và lập ra nước Trung Quốc.

Thời đại Thần Nông Đế Viêm gồm có hai thời kỳ :

1- Từ vua Thần Nông Đế Viêm đến cháu ba đời là vua Đế Minh từ năm 3118 đến 2879 TCN kéo dài 239 năm.

2- Từ vua Đế Minh chia nước cho hai con lập thành hai triều đại có các đế :

Xích Thần (Bắc Miêu) :Đế Nghi (2.879-2.813 TCN) ; Đế Lai (2.813 -2.704 TCN) ; Đế Du Vồng (2.704 -2.636 TCN).

Triều đại Thần-Nông Bắc chấm dứt, đổi sang triều đại Hoàng Đế từ năm Giáp-Tý (2697 TCN) sau trận Phán Tuyên. Vị trí chính xác của trận chiến này vẫn còn tranh cãi giữa các nhà sử học hiện đại, do nhiều địa điểm sử dụng cùng một tên gọi ở các thời điểm khác nhau trong lịch sử có thể bao gồm huyện Trác Lộc và huyện Hoài Lai ở Trương Gia Khẩu, tỉnh Hà Bắc; quận Diên Khánh ở Bắc Kinh; huyện Phù Câu ở Chu Khẩu, tỉnh Hà Nam, và quận Diêm Hồ ở Vận Thành, tỉnh Sơn Tây.

Viêm Đế bị Xi Vưu đánh bại rồi bị các bộ tộc Hữu Hùng của Hoàng Đế xâm lăng. Viêm Đế đầu hàng Hoàng Đế, tôn làm cộng chủ và lập ra bộ lạc Viêm Hoàng. Hoàng Đế, đã đánh bại Xi Vưu trong trận Trác Lộc, và lập ra nước Trung Quốc. Các nhà chép sử Trung-quốc lấy thời đại Hoàng Đế làm kỷ nguyên. Trong bộ Sử-ký, Tư-mã-thiên khởi chép quyển một là Ngũ đế bản kỷ, coi Hoàng Đế là Quốc-tổ Trung-quốc.

Xích Quỷ (Nam Miêu) :Kinh Dương Vương (2879 – ? TCN) ; Lạc Long Quân ? – 2.704 TCN) .Sau chiến tranh Trác Lộc 2704 TCN, Hoàng Đế của Hoa Hạ diệt nước Xích Thần (Bắc Miêu) , nước Xích Quỷ (Nam Miêu) tan rã. Bà Âu Cơ về đất Tương Dạ (trên Cánh Đồng Tương) lập đàn, phong cho con trưởng Lạc Long Quân thuộc Hồng Bàng Thị lên làm Hùng vương và đổi tên nước là Văn Lang.

Vua Lạc-Long lấy công chúa Âu-Cơ sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra trăm con. Ngài truyền cho các hoàng tử đi bốn phương lập ấp, tổ chức cai trị, giáo hóa dân chúng. Mỗi vị lập một ấp, sau trở thành lạc-hầu, theo lối cha truyền con nối.

- Hoàng tử thứ nhất tới thứ 10 lập ra vùng hồ Động đình.
- Hoàng tử thứ 11 tới thứ 20 lập ra vùng Tượng-quận.
- Hoàng tử thứ 21 tới thứ 30 lập ra vùng Chân-lạp.
- Hoàng tử thứ 31 tới thứ 40 lập ra vùng Chiêm-thành
- Hoàng tử thứ 41 tới thứ 50 lập ra vùng Lão-qua.
- Hoàng tử thứ 51 tới thứ 60 lập ra vùng Nam-hải.
- Hoàng tử thứ 61 tới thứ 70 lập ra vùng Quế-lâm.
- Hoàng tử thứ 71 tới thứ 80 lập ra vùng Nhật-nam.
- Hoàng tử thứ 81 tới thứ 90 lập ra vùng Cửu-chân.
- Hoàng tử thứ 91 tới thứ 100 lập ra vùng Giao-chỉ.

Năm 1959, báo chí Đài Loan có đăng một bản tin xuất phát từ các nhà khoa học khảo cổ ở bảo tàng viện Hồ Nam. Bản tin cho biết họ tìm được tại di chỉ khảo cổ Xinqlang, phía Đông hồ Động Đình khoảng 50 km những miếng đất sét nung hình chữ nhật có ghi những chữ chân chim và họ giải đoán là bảng ghi những con số thu hoạch nông nghiệp và chăn nuôi của những quý tộc xã hội Miêu.

Họ xác định những mảnh đất nung này có niên đại khoảng 4.600 năm TCN. Việc phác giác những cổ vật tiền sử ở Xinqlang đã xác nhận trước khi “văn minh” du mục Hoa tộc tràn tới thì Nam Miêu đã có văn minh chữ viết.

Huyền thoại Ngu Cơ, Kinh Dương Vương là truyền thuyết chung cho tộc Việt Mường và cả Tàu Bách Việt. Đền thờ Kinh Dương Vương thế kỷ XIV được xây dựng từ huyền thoại Việt chớ không phải từ ĐVSKTT hay từ tiểu thuyết Liễu Nghị.

Lộc Tục được phong làm vua hiệu là Kinh Dương Vương, lấy tên vùng đất được phong làm vương hiệu. Kinh viết với bộ thủy là tên con sông Kinh, tức Kinh Thủy một chi lưu của sông Vị.

Nếu lấy ngọn Bắc Trọng Sơn làm phân giới, thì phía Bắc núi là huyện Thuần Hóa, phía nam núi là huyện Kinh Dương.

Do Kinh Dương ở về phía nam Bắc Trọng Sơn và phía bắc sông Kinh Thủy nên lấy dương làm tên theo thông lệ: “Sơn nam vi dương, thủy bắc vi dương”. Đây là cách đặt tên chịu ảnh hưởng thuyết âm dương của Kinh Dịch (của người Việt, theo Kim Định), lấy núi làm mốc, vì vậy phía nam núi tức là phía bắc sông, tất cả đều nằm trong phạm vi của núi, nam thuộc dương nên vùng đó thường mang tên ghép là dương như Lạc Dương, Hán Dương, Nam dương.

Tên Kinh Dương đã có từ rất xưa, trong Kinh Thi, phần Tiểu Nhã, thơ Lục nguyệt đã có nhắc đến: “Xâm Hạo cập Phương/ Chí vu Kinh Dương” (Xâm phạm Hạo và Phương. Cho đến Kinh Dương)

Dân gian có thành ngữ “Kinh Vị phân minh”. Vị Thủy là chi lưu lớn của Hoàng Hà, phát nguyên từ Cam Túc đến Thiểm Tây nhập vào Hoàng Hà; Kinh Thủy cũng là một chi lưu của Vị Hà, phát nguyên từ Ninh Hạ, cả hai sông đến huyện Cao Lăng thành phố Tây An thì hợp lưu. Nước sông Kinh thì đục, nước sông Vị lại trong, hai dòng sông này khi gặp nhau hợp thành một lại không trộn lẫn với nhau mà chia làm hai phần trong đục rõ ràng.

Như vậy Kinh Dương Vương không phải do châu Kinh và châu Dương gộp hồ Động Đình khu vực nước Sở, ghép lại vì các chữ đó khác nhau, tuy âm giống nhau mà nghĩa khác nhau.

Đến thế kỷ XVII, Kinh Dương Vương đã chính thức được văn hóa dân gian đưa vào thờ làm vị thủy tổ trong đền ở tỉnh Bắc Ninh. Lăng mộ Kinh Dương Vương và đền thờ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân và Âu Cơ được xây dựng từ lâu đời ở thôn Á Lữ, xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

Nơi đây được coi là nơi duy nhất ở Việt Nam còn nguyên dấu tích Kinh Dương Vương, nay chỉ còn bia đá đề bốn chữ Hán: Kinh Dương Vương Lăng, thể hiện được trùng tu thời Minh Mạng nhà Nguyễn năm 1840. Trên lăng có hai chữ Hán: Bất Vong (không bao giờ mất). Đền thờ hiện lưu giữ nhiều đạo sắc phong có niên đại từ năm 1810 - 1924 và một bức đại tự có chữ Đại Nam tổ miếu.

Tại Lăng Kinh Dương Vương có ghi: Kinh Dương Vương tên húy là Lộc Tục, là bậc thánh trí có tư chất thông minh, tài đức hơn người, sức khỏe phi thường. Kinh Dương Vương hình thành Nhà nước sơ khai đầu tiên vào năm Nhâm Tuất (2879 trước Công nguyên), đặt Quốc hiệu là Xích Quỷ (tên một vì sao có sắc đỏ), đóng đô ở Hồng Lĩnh (nay là Ngàn Hồng, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh). Sau đó dời đô ra Ao Việt (Việt Trì). Kinh Dương Vương lấy Thần Long sinh ra Lạc Long Quân (húy là Sùng Lãm). Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai là Âu Cơ sinh ra 100 người con. Con cả là Hùng Quốc Vương. Kinh Dương Vương tạ thế ngày 18/1 (không rõ năm) tại trang Phúc Khang, bộ Vũ Ninh (Bắc Ninh).

Theo nhà sử học Dương Trung Quốc, hiện nay có một số địa phương phát huy lễ giỗ Thủy tổ Kinh Dương Vương và đó là tập tục của địa phương. Tuy nhiên, quan điểm của ông chỉ dừng lại thời Vua Hùng, không nên tìm hiểu sâu về chuyện ông nội của Vua Hùng. Ông Quốc cho là không cần thiết. “Nếu lần ngược lên không biết đi đến đâu cả”, nhà sử học Dương Trung Quốc cho hay.

Chuyện Lộc Tục làm Kinh Dương Vương vua nước Xích Quỷ có ở bên Tàu chứng tỏ chuyện này của Việt Nam là truyền thuyết chứ không phải lấy từ tiểu thuyết Liễu Nghị. Sách địa lý Tàu TỐI TÂN Trung Quốc phân tỉnh đồ ngày nay, khẳng định rằng nước Quỷ Phương là Quý Châu nên cả 4 tên Xích Quỷ, Xi Vưu, Quý Châu và Quỷ Phương chỉ tên người Iu Mien. Xích Quỷ là nước của Hùng Vương là có thực và là Iu Mien, tên người Việt và cả Bách Việt.

GS Lê Quang Châu có kể rằng, trẻ con có trò chơi, bắt đầu từ bài đồng dao “Chi chi chành chành. Cái danh thối lửa. Con ngựa chết trương. Ba vương ngũ đế. Chấp chế đi tìm. Ú tim bắt được. Ủ à ù ập!”.

Ông giải thích bài đồng dao như sau: Chi chi là chi nọ (trong một tộc họ) nối chi kia. Chành chành là nếu không có chi kế tiếp thì “chành” sang họ trực hệ hoặc đồng tông. “Cái danh thối lửa” là biểu hiện thời cổ xưa có ông Toại Nhân dùng dùi đá lấy lửa.

“Con ngựa chết trương” là hình ảnh chuyện nhân vật Hiên Viên phản vua Thần Nông, giết vua và mười bốn người, cướp ngôi, tự xưng chính mình là hậu duệ, phạm vào lời nguyện “Bắc Nam không xâm phạm nhau”, gây nên cảnh “người và ngựa chết trương đầy đồng nội”.

“Ba vương Ngũ đế”, nói trước về ngũ đế là năm vị tổ của Kinh Dương Vương gồm Đế Thiên (Phục Hy), Đế Thích (Thần Nông), Đế Khôi (Viêm Đế, viêm là lửa), Đế Tiết (Hoàng Đế, vị vua đã phạm lời nguyện), Đế Thức (Thần Đế). Ba vương là ba vua anh em ruột dòng dõi Đế Thức: Vua Minh, vua Lai và vua Long Cảnh. Vua cả tên Minh đã đặt tên nước ta thời ấy là Xích Quỷ, xích là đỏ, màu lửa để chỉ rằng đây là dòng dõi của Viêm Đế, quỷ là một trong 28 ngôi sao, tượng trưng phương nam (không phải quỷ là ma quái).

“Chấp chế đi tìm” kể từ Ba vương ngũ đế đã chấp nhận đi tìm một thể chế để có thể xây dựng cơ đồ bền vững. “Ú tim bắt được”, bắt được chế độ liên hiệp trăm họ lại, tạo dựng nên nhà nước Văn Lang.

“Ủ à ù ập” là tán thán từ tỏ dấu hiệu vui mừng...hàng ngàn năm trước, những người thiên di thuộc làn sóng thứ hai men theo rặng Himalaya để tới Bắc Việt Nam và nhiều nơi khác tại Đông Nam Á, cũng như Vân Nam và Quảng Tây. Họ có phần đóng góp khoảng 80% trong vốn gen người Việt hiện nay. Qua quá trình tiến hóa lâu dài khoảng 35.000 - 20.000 năm, màu da và hình thái của họ dần biến đổi để trở thành người Tiền Mongoloid.

Người Việt lấy năm vua Kinh-Dương lên làm vua là năm Nhâm-tuất (2879 TCN), nhưng không tôn vua Kinh-Dương làm Quốc-tổ, có thể là vì Vua đã lập ra ra nước Xích Quỷ của Bách Việt, mà lại tôn vua Lạc Long Quân (Hùng Vương thứ I) làm Quốc-tổ là vì vua này đã lập ra nước Văn Lang của tộc Lạc Việt.

Việc nghiên cứu lịch sử thời đại này, còn gặp nhiều khó khăn vì ít tài liệu, sơ sài, nhiều chỗ mâu thuẫn với nhau, tuy có phần ảnh hưởng một phần thực tế lịch sử nhưng thường chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường. Di tích khảo cổ và di truyền học chỉ khẳng định loại chủng tộc và các khoảng niên đại mà chưa thể xác định cách tổ chức của quốc gia cùng với văn hóa của thời đại đó.

Nguyễn Hoạt tổng hợp

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN TRÊN MẠNG VỚI HƠN 11700 TÁC PHẨM & TIẾT MỤC